

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 19-01-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Lê Văn Vinh**

**Ông Đỗ Văn Minh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Chị Trần Thị Hồng V**, sinh năm: 1991; trú tại: **Số 906 Ngô Gia Tự, Tổ 19, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).**

**- Bị đơn:** **Anh Nguyễn Tuấn S**, sinh năm 1985; trú tại: **Số 906 Ngô Gia T, Tổ 19, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng Vân trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Tuấn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày **25/12/2012**. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng anh S không chung thủy mà còn có người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã khuyên nhủ để anh S thay đổi, nhưng không có kết quả. Điều này làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện nay chị và anh S tuy sống chung một nhà nhưng thực tế đã ly thân không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: **Chị và anh S** có hai con chung là Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 25/9/2013 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 20/6/2019. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Vì từ nhỏ các cháu đều do một mình chị chăm sóc nuôi dưỡng và mức thu nhập của chị đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về chia tài sản chung:** Chị và anh S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Sau khi thụ lý vụ án , Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho bị đơ n là anh Nguyễn Tuấn S . Nhưng anh S không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng V .*

*Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi chị Vân và anh Sơn sinh sống cũng như ý kiến của gia đình: Quá trình chung sống tại địa phương, chị V và anh S có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai bên có sự bất đồng về quan điểm, lối sống sinh hoạt hàng ngày, anh S có người phụ nữ khác làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có hạnh phúc.*

*Theo ý kiến của cháu Nguyễn Tuệ L (con chung của chị V và anh S: Trường hợp bố mẹ ly, hôn cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Trần Thị Hồng V đến khi trưởng thành.*

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

**Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về việc giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng V được ly hôn anh Nguyễn Tuấn S.
- Về nuôi dưỡng con: Giao cả hai con chung là Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 25/9/2013 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 20/6/2019 cho chị V nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
- Về cấp dưỡng nuôi con : Chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về chia tài sản: Chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết .
- Về án phí: Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Nguyễn Tuấn Sơn, sinh năm 1985; **trú tại: Số 906 Ngô Gia T, Tổ 19, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn S** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. **Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa **chị V và anh S** tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn của vợ chồng **chị V và anh S** đã trầm trọng và kéo dài. Vợ chồng hiện nay không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau. Trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa **chị V và anh S** đã không còn tồn tại, không đạt được mục đích của hôn nhân. Tại phiên tòa, chị V giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S; đối với anh S, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này thể hiện anh S không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, việc chị V yêu cầu xin ly hôn

với anh S là có căn cứ, đúng thực tế tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vân.

[3] Về con chung: Chị V và anh S có hai con chung là Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 25/9/2013 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 20/6/2019. Xét hiện nay cháu T dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu L, xét hiện nay chị V và anh S đều có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu V là con gái, từ nhỏ cháu đã do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, quá trình trưởng thành rất cần sự quan tâm của mẹ về tâm sinh lý phát triển. Mặt khác, cháu L có nguyện vọng được sống với chị V khi bố mẹ ly hôn và thu nhập của chị V đủ đảm bảo nuôi dưỡng cả hai con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cả hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. **Anh S không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xét.**

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xét.

[5] Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu áp phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, **khoản 1; khoản 3 Điều 228 và Điều 273** của Bộ luật Tố tụng dân sự ; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng V được ly hôn anh Nguyễn Tuấn S.
2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 25/9/2013 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 20/6/2019 cho chị Trần Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

Về cấp dưỡng nuôi con : Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí : Chị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn ) tiền án phí ly hôn sơ thẩm . Chị V đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 00004560, ngày 08 tháng 10 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Hạ lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Tuyên**



